

Sự Mạc Khải của Chúa Giê-su Kitô - Số Hai

Các danh xưng giao ước

Jeff Pippenger

2023-08-10

Tôi đã đưa nhiều nội dung vào các bài viết trước nhằm trình bày một số điểm tham chiếu cơ bản ngay từ đầu. Bây giờ tôi sẽ cố gắng tập trung hơn vào chủ đề đang bàn. Cảm ơn bạn đã kiên nhẫn.

Ngay từ buổi ban đầu, Thiên Chúa đã tìm cách gia tăng sự hiểu biết của chúng ta về Ngài là ai và bản chất của Ngài. Trong công việc ấy, Ngài đã sử dụng nhiều phương cách để giúp con người hiểu điều đã được mạc khải về Ngài, và một trong những cách ấy là việc Ngài dùng “danh xưng”: vừa các danh xưng dành cho Thiên Chúa trong Kinh Thánh, vừa các tên được đặt cho những người đại diện do Ngài tuyển chọn. Ngài chọn cả những đại diện cho điều ác lẫn điều thiện.

Ngài cũng đã dùng những biến chuyển theo từng thời kỳ đối với dân giao ước được Ngài chọn để gia tăng một cách tiệm tiến sự hiểu biết về bản tính của Ngài xuyên suốt lịch sử. Vì vậy, lịch sử về các thay đổi theo từng thời kỳ trong giao ước, bằng nhiều cách khác nhau, cũng nói lên việc làm nổi bật chân lý về bản tính và bản chất của Ngài.

Nếu chúng ta tiếp cận chương một của sách Khải Huyền như một phần dẫn nhập và một chìa khóa cho các chương tiếp theo, chúng ta sẽ thấy những lẽ thật nhất định trong chương mở đầu có ảnh hưởng đến phần còn lại của sách. Một trong những lẽ thật ấy liên quan đến việc Chúa Giê-xu Christ là ai, chứ không chỉ đơn thuần rằng Ngài là Alpha và Omega. Nếu một lẽ thật được nêu ra trong chương một của Khải Huyền, thì chắc chắn đó là một lẽ thật hiện tại mang tính thử thách dành cho thế hệ cuối cùng, mà thế hệ cuối cùng chính là "dòng giống được chọn" mà Phi-e-rơ đã nói đến.

Một trong những thuộc tính trong bản tính của Đấng Christ mà chúng ta đã khảo sát là việc Ngài nhận biết phần khởi đầu từ phần kết thúc. Thời điểm Đấng Christ xác nhận giao ước với nhiều người trong một tuần lễ biểu thị một sự thay đổi thời kỳ về giao ước, từ Israel theo nghĩa đen sang Israel thuộc linh. Những sự thay đổi thời kỳ được Kinh Thánh xác định—tất cả đều nói đến sự gia tăng tri thức về bản tính và hữu thể của Đấng Christ—gồm Abram, Isaac, Jacob, Joseph, Moses, Đấng Christ, William Miller và một trăm bốn mươi bốn nghìn. Có một dòng thay đổi thời kỳ khác được đặt chồng lên trên dòng ấy, nhận diện bảy thời kỳ của hội thánh của Đức Chúa Trời, được đại diện bởi bảy hội thánh trong Khải Huyền chương hai và ba, nhưng chúng ta sẽ chưa đề cập đến chúng. Đã có một sự thay đổi thời kỳ đối với Adam và Eve, thể hiện qua trước khi họ sa ngã và sau khi họ sa ngã; và dĩ nhiên, một sự thay đổi thời kỳ từ trước nạn hồng thủy đến sau nạn hồng thủy trong thời Noah. Tất cả những dòng này đều góp phần vào ánh sáng mà chúng ta đang xem xét, nhưng hiện tại chúng ta tập trung vào dân được chọn.

Khi Đấng Christ bắt đầu chức vụ của Ngài vào đầu tuần lễ giao ước, Ngài đã chịu báp-têm.

Và khi Đức Chúa Giê-su chịu phép báp-têm, Ngài lập tức lên khỏi nước; và kia, các tầng trời mở ra cho Ngài, Ngài thấy Thánh Linh của Đức Chúa Trời giáng xuống như chim bồ câu và đậu trên Ngài. Lại có tiếng từ trời phán rằng: “Này là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Con.” Ma-thi-ơ 3:16, 17.

Ngay những lời đầu tiên của Thiên Chúa, khi Chúa Giê-su bước lên khỏi nước, qua đó khởi đầu tuần lễ giao ước, chính là lời Chúa Cha tuyên bố rằng Chúa Giê-su là Con Thiên Chúa. Nếu chúng ta hiểu "quy tắc lần nhắc đến đầu tiên" thì sự thật ấy có sức nặng. Nếu không, thì cũng chẳng có ý nghĩa bao nhiêu.

Ban đầu, Đức Chúa Trời dựng nên trời và đất. Đất còn vô hình và trống không; bóng tối ở trên mặt vực thẳm. Thần của Đức Chúa Trời vận hành trên mặt nước. Sáng thế ký 1:1, 2.

Cũng như trong Sách Sáng thế, trong nghi lễ xức dầu, ba ngôi vị của Thiên Chúa được nhận diện.

Sự thật rằng Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời, Con vua Đa-vít và Con Người đã thường xuyên làm các thầy thông giáo và người Pha-ri-si bức bối trong ba năm rưỡi tiếp theo. Theo ý nghĩa tiên tri, danh xưng của Ngài chuyển từ “Giê-su” sang “Giê-su Christ” khi Ngài chịu báp-têm. Khi Chúa Giê-su chịu báp-têm, Ngài trở thành “Đấng Christ,” nghĩa là “Đấng được xức dầu,” và đó chính là từ “Mê-si-a” trong tiếng Hê-bơ-ơ. Và dĩ nhiên, người Hê-bơ-ơ trông đợi một Đấng Mê-si-a và họ biết Ngài sẽ là Con vua Đa-vít. Khi Ngài được “xức dầu” để bắt đầu ba năm rưỡi linh thánh nhất trong lịch sử trần gian, Ngài thấy Đức Thánh Linh ngự xuống và nghe Cha Ngài phán.

Đó là một lễ xức dầu rất sâu sắc, tại đó sứ điệp được rao giảng về Ngài và công việc của Ngài là: “Ngài là Con Đức Chúa Trời.” Điều khiến người Do Thái càng kinh hãi hơn không chỉ là việc Ngài là Con Đức Chúa Trời, mà còn là việc Ngài tuyên bố rằng, với tư cách là Con Đức Chúa Trời — Ngài thật sự là chính Đức Chúa Trời. Người Do Thái không thể chấp nhận điều mà họ hiểu là một lời tuyên bố phạm thượng như thế! Tinh thần tiến thoái lưỡng nan của người Do Thái chính là tình thế của Áp-ra-ham — vì Áp-ra-ham là tổ phụ của người Do Thái, là cha của giao ước, và cũng là biểu tượng của đức tin cần có để tuân giữ các điều khoản của giao ước.

Minh họa của Áp-ra-ham về đức tin cần thiết để bước vào mối quan hệ giao ước với Đức Chúa Trời đòi hỏi rằng đức tin của bạn phải được thử luyện. Bài thử thách dành cho Áp-ra-ham — bài thử sẽ chứng tỏ đức tin của ông là thật hay chỉ là sự chủ quan — dựa trên việc cho thấy liệu ông có vâng theo lời Đức Chúa Trời hay không, ngay cả khi điều đó dường như mâu thuẫn với lời Ngài đã phán trước đó. Áp-ra-ham biết rằng việc hiến tế con người là giết người và rằng điều đó phản ánh các tập tục thờ hình tượng của những dân tộc thờ hình tượng mà ông đang sống giữa họ khi ấy. Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si biết từ lịch sử giao ước ban đầu của họ rằng Đức Chúa Trời chỉ có một, và họ cũng biết Chúa Giê-su đang tuyên bố mình là một Đức Chúa Trời thứ hai. Họ đang bị thử thách với bài thử sau cùng của họ.

Nghe đây, hỡi Israel: Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Chúa duy nhất. Đệ Nhị Luật 6:4.

Trong phân tường thuật nơi Mô-i-se đã ghi chép câu ngay trước đó, Đức Chúa Trời đã cho Mô-i-se biết rằng từ đó trở đi Ngài sẽ được biết đến là Giê-hô-va. Ngài không còn chỉ được biết là Đức Chúa Trời Toàn Năng nữa, mà từ thời điểm ấy trở đi Ngài sẽ được biết đến là Giê-hô-va. Ngay

trong chính phần lịch sử ấy, nơi Ngài làm sáng tỏ thêm sự hiểu biết về bản tính của mình như được biểu lộ qua các danh xưng của Ngài, Ngài cũng dứt khoát cho dân Y-sơ-ra-ên xưa biết rằng chỉ có một Đức Chúa Trời. Vậy người Do Thái vào thời của Đấng Christ phải nghĩ sao?

Về sau, trong chức vụ của Giê-su, khi đạt đến đỉnh điểm với cuộc khải hoàn tiến vào Giê-ru-sa-lem, người Do Thái lại một lần nữa sững sốt vì Giê-su cho phép các trẻ em hát ca ngợi Ngài.

Và đám đông đi trước và những người theo sau kêu lên rằng: Hô-sa-na Con vua Đa-vít! Chúc tụng Đấng nhân danh Chúa mà đến! Hô-sa-na trên các tầng trời cao. Ma-thi-ơ 21:9.

Ca từ của bài hát khiến những người Pha-ri-si phẫn nộ là phân xác định Chúa Giê-su là Con vua Đa-vít, và cũng xác định rằng “Con vua Đa-vít” là danh của Chúa. Ngay từ lúc khởi đầu chức vụ của Ngài, trong cuộc vào thành khải hoàn, và dĩ nhiên trên thập tự giá, các cuộc tranh cãi đều kèm theo sự kích động xoay quanh danh của Chúa Giê-su.

Bấy giờ các thầy tế lễ cả của người Do Thái nói với Phi-lát: “Đừng viết: Vua dân Do Thái; nhưng hãy viết rằng ông ấy đã nói: Tôi là Vua dân Do Thái.” Giăng 19:21.

Dĩ nhiên, về cơ bản thì việc Pilate sửa dòng chữ thành “Ta là, Vua của người Do Thái” cũng vẫn đúng, vì “Ta là” là danh xưng mà Giê-su nhiều lần xưng về chính mình. Dĩ nhiên, áp dụng lối suy luận sai lầm ấy để thay đổi Lời của Đức Chúa Trời—nhất là khi đó là câu chuyện về thập tự giá—là điều con người sẽ chẳng bao giờ làm, phải không? Giê-su là “Vua của người Do Thái”, nhưng Ngài cũng là “Ta là”, nên mệnh đề “Ta là, Vua của người Do Thái” đúng theo một nghĩa nào đó, nhưng đó không phải là điểm chính.

Trong suốt ba năm rưỡi, từ lúc khởi đầu, qua giai đoạn giữa, cho đến tận cùng, danh của Ngài là tâm điểm của sự tranh cãi. Có nhiều điều cần được hiểu về chuỗi danh xưng giao ước, nhưng ở đây tôi muốn cho thấy rằng đã có một sự lay chuyển vào thời kỳ cuối của Y-sơ-ra-ên xưa trong cộng đồng Do Thái, điều ấy liên quan đến danh của Đấng Christ. Là Con của Đa-vít, Ngài có tư cách chính danh để là Đấng Mê-si-a; là Con Đức Chúa Trời (theo nghĩa cũng chính là Đức Chúa Trời), và là Con Người, Đức Chúa Jê-sus đã đặt ra một thử thách to lớn cho dân được chọn. Làm sao người này có thể tuyên bố mình là Đức Chúa Trời mà đồng thời là Con Đức Chúa Trời, khi Môi-se, ngay từ đầu lịch sử giao ước của họ, đã xác quyết rất rõ rằng Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời duy nhất?

Thế nhưng đó chính là mục đích của việc Đấng Christ sống giữa loài người. Đức Chúa Trời ở trong Ngài, hòa giải loài người với chính Ngài, và Ngài đã làm như thế bằng cách cho con người thấy Chúa Giê-xu, Đấng đã dạy một cách rõ ràng và trực tiếp rằng: nếu anh em đã thấy Ngài — thì anh em đã thấy Cha. Lịch sử này đánh dấu sự chấm dứt của Israel theo huyết thống như dân được chọn của Đức Chúa Trời, và ngay từ ban đầu đã có một cuộc tranh cãi nổi bật về Đức Chúa Trời là ai và Ngài như thế nào.

Pha-ra-ôn nói: “Đức Giê-hô-va là ai mà ta phải vâng lời Ngài để cho Y-sơ-ra-ên đi? Ta không biết Đức Giê-hô-va, cũng chẳng cho Y-sơ-ra-ên đi.” Xuất Ê-díp-tô Ký 5:2.

Pha-ra-ôn không chỉ là biểu tượng của sự thách thức vô thần đối với sự nhận biết về Đức Chúa Trời, mà còn bộc lộ cách hiểu của người Ai Cập về Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham. Và nhiều lần Chúa đã phán rằng những việc làm kỳ diệu của Ngài tại Ai Cập nhằm khiến loài người biết Ngài là ai. Lịch sử khởi đầu của Y-sơ-ra-ên theo nghĩa đen, với tư cách là dân được chọn của Đức Chúa Trời, là hình bóng cho thời cuối cùng.

Trong cả hai lịch sử đều có sự thiếu hiểu biết về Đức Chúa Trời là ai và bản chất của Ngài là gì, điều này gắn liền với những danh xưng khác nhau của Ngài; nhưng điều quan trọng hơn đối với sự suy xét của chúng ta là lịch sử về Đấng Christ vào hội kết của Israel với tư cách là dân được chọn cho thấy rằng một lý do chủ yếu khiến người Do Thái vấp phạm trong việc tiếp nhận Đấng Mê-si của họ là vì họ biết rằng ngay từ đầu lịch sử giao ước của họ, Lời của Đức Chúa Trời đã khẳng định rằng Ngài là Đức Chúa Trời duy nhất. Thật là một nan đề!

Và sau đó, họ không dám hỏi Ngài điều gì nữa. Ngài phán với họ: Sao người ta nói rằng Đấng Christ là con của Đa-vít? Chính Đa-vít đã nói trong sách Thi Thiên: “Chúa phán với Chúa tôi: Hãy ngồi bên hữu Ta, cho đến khi Ta đặt kẻ thù của ngươi làm bệ chân cho ngươi.” Vậy Đa-vít gọi Ngài là Chúa, thì làm sao Ngài lại là con của ông? Lu-ca 20:40-44.

Đây là giai đoạn hỏi đáp cuối cùng đối với người Do Thái, vì sau cuộc đối thoại đó, “họ không dám hỏi Ngài thêm câu nào nữa.” Ngài vừa trả lời câu hỏi cuối cùng trong chức vụ của Ngài đối với “nhà” bị lạc mất (và trong tương thuật tiên tri thì luôn luôn có một “nhà” bị lạc mất), rồi Ngài nêu lên vấn đề về danh xưng của Ngài là “Con của Đa-vít”, và do đó là Đấng Mê-si. Suốt ba năm rưỡi, những tranh luận bao gồm các danh xưng khác nhau của Ngài, những danh xưng bộc lộ tính cách và bản tính của Ngài. Danh Ngài được đề cập ngay từ ban đầu, khi Ngài chịu báp-têm, rồi trong lần tương tác cuối cùng với “nhà” bị lạc mất khi Ngài vào thành cách khải hoàn và tại thập tự giá, cùng với những đoạn khác trong các sách Phúc Âm.

Khi Đức Giê-su trả lời câu hỏi của vị kinh sư, những người Biệt Phái đã tụ lại vây quanh Ngài. Bấy giờ, Ngài quay lại và hỏi họ: 'Các ngươi nghĩ gì về Đấng Kitô? Ngài là con của ai?' Câu hỏi này nhằm thử niềm tin của họ về Đấng Mê-si-a—để xem họ coi Ngài chỉ như một con người hay là Con Đức Chúa Trời. Nhiều tiếng đồng thanh đáp: 'Con của Đa-vít.' Đó là tước hiệu mà lời tiên tri đã dành cho Đấng Mê-si-a. Khi Đức Giê-su bày tỏ thần tính của Ngài qua những phép lạ quyền năng, khi Ngài chữa lành bệnh tật và khiến kẻ chết sống lại, dân chúng đã tự hỏi nhau, 'Há chẳng phải đây là Con của Đa-vít sao?' Người đàn bà Syro-Phê-ni-xi, Ba-ti-mê mù, và nhiều người khác đã kêu cầu Ngài cứu giúp, 'Lạy Chúa, Con của Đa-vít, xin thương xót tôi.' Ma-thi-ơ 15:22. Khi Ngài cưỡi vào Giê-ru-sa-lem, Ngài đã được tung hô bằng tiếng reo vui, 'Hô-sa-na Con của Đa-vít! Chúc tụng Đấng nhân danh Chúa mà đến.' Ma-thi-ơ 21:9. Và hôm ấy, các trẻ nhỏ trong đền thờ cũng hòa theo lời tán tụng vui mừng ấy. Nhưng nhiều người gọi Đức Giê-su là Con của Đa-vít lại không nhận biết thần tính của Ngài. Họ không hiểu rằng Con của Đa-vít cũng chính là Con Đức Chúa Trời.

Đáp lại lời tuyên bố rằng Đấng Christ là Con của Đa-vít, Đức Chúa Giê-su phán: "Vậy thì làm sao Đa-vít bởi Thần Linh [Thần Linh của sự soi dẫn từ Đức Chúa Trời] lại gọi Ngài là Chúa, mà nói: Chúa phán với Chúa tôi: Hãy ngồi bên hữu Ta, cho đến khi Ta đặt các kẻ thù của Ngươi làm bệ dưới chân Ngươi? Vậy nếu Đa-vít gọi Ngài là Chúa, thì làm sao Ngài lại là con

của ông ấy?" Và không ai có thể trả lời Ngài một lời nào; từ ngày đó trở đi, cũng chẳng ai dám hỏi Ngài thêm điều gì nữa. Khát Vọng của Các Thời Đại, 609.

Việc Ngài được xúc dầu làm Đấng Mê-si và sự tương tác cuối cùng của Ngài với những người Ngài đến để cứu xoay quanh thần tính của Ngài, tính biểu tượng trong các danh xưng của Ngài, và dĩ nhiên là nguyên tắc nhắc đến lần đầu. Đức Chúa Giê-su kết thúc công việc trực tiếp của Ngài cho dân Do Thái bằng cách dùng lịch sử của Đa-vít để dạy về Đa-vít thuộc linh. Vì sao Đa-vít lại nói về việc Chúa phán với Chúa rằng hãy ngồi trên ngai với Ngài? Bởi vì vua Đa-vít lúc ban đầu tượng trưng cho Vua Đa-vít thuộc linh sau rốt. Cách duy nhất để hiểu đúng lời tuyên bố cuối cùng của Đức Chúa Giê-su đối với nhà bị thất lạc là có thể áp dụng nguyên tắc nhắc đến lần đầu, điều mà bạn không thể làm được nếu bạn không biết nguyên tắc ấy.

Lời tuyên bố cuối cùng của Ngài dành cho nhà bị lạc mất đòi hỏi phải hiểu nguyên tắc nhắc đến lần đầu thì mới có thể hiểu được. Jesus đã dùng David và con của David để trình bày chân lý cho nhà bị lạc mất trong lời tuyên bố cuối cùng của Ngài. Sau cùng thì họ vốn là nhà của David. Vì thế, Jesus đã lấy người cha (David) và quy ông về (Con của David), và Ngài cũng lấy người con (của David) và quy người ấy về với cha mình (David). Ngài đã khiến người cha quay về với đứa trẻ, như thông điệp của Elijah được tiên báo sẽ làm trong “những ngày sau rốt.” Đó là thông điệp cuối cùng của Ngài gửi đến Israel cổ đại theo nghĩa đen, và đó là một thông điệp của Elijah, vì nó dựa trên nguyên tắc nhắc đến lần đầu. Vì vậy, nguyên tắc nhắc đến lần đầu cũng xác nhận thông điệp của Jesus là một thông điệp của Elijah theo chính nguyên tắc ấy. Nguyên tắc nhắc đến lần đầu đòi hỏi rằng nếu thông điệp của Elijah nơi John the Baptist là phần đầu tiên của thông điệp cảnh báo sau rốt dành cho nhà Israel bị lạc mất, thì thông điệp cuối cùng ban cho họ cũng sẽ là thông điệp của Elijah. Và quả đúng như vậy...

Sau tất cả những điều đã nói, giờ tôi muốn rút ra một luận điểm từ đó, dựa trên quy tắc “lần nhắc đến đầu tiên” — Alpha và Omega. Ngay từ buổi đầu của Israel cổ đại đã có một cuộc tranh luận về việc hiểu Đức Chúa Trời là ai và là gì; cuộc tranh luận ấy trở thành điển hình cho chính cuộc tranh luận tương tự vào thời kỳ cuối của Israel cổ đại. Vào thời kỳ kết thúc của Israel cổ đại, công việc của Đấng Christ bao gồm việc dạy cho nhà Israel bị lạc mất biết Đức Chúa Trời là ai và là gì. Trong giai đoạn lịch sử cuối cùng ấy đã có sự chống đối Đấng Christ, đặt nền trên một lẽ thật nguyên thủy đã được thiết lập từ ban đầu. Israel thuộc linh thời nay sẽ sở hữu những đặc điểm mang tính tiên tri tương tự trong lịch sử của họ.

Vào buổi đầu của phong trào Phục Lâm, các sử gia cho biết rằng những người theo Miller chủ yếu xuất thân từ hai hệ phái Cơ Đốc: Giám Lý và Christian Connection. Tín điều cốt lõi của Giám Lý dựa trên việc sống đúng nếp sống Cơ Đốc. Họ có “phương pháp”. Niềm tin cốt lõi của Christian Connection có thể được tóm lại là phản đối tín lý Ba Ngôi của Công giáo.

Theo như nghiên cứu của tôi cho đến nay, hầu như toàn bộ giới lãnh đạo của phái Miller đều giữ giáo lý ấy của Christian Connection. Có nhiều nhánh của Seventh-day Adventist Reform Movement (SDARM) vẫn giữ và quảng bá cách hiểu ban đầu của những người Miller về “phản Ba Ngôi.” Một nan đề (và cũng là nguồn gây tranh cãi hiện nay) đối với những ai giữ quan niệm của các nhà tiên phong là, và sẽ luôn là: phải đáp lại thế nào trước nhiều đoạn văn khác nhau trong đó

Bà White trực tiếp phản đối lập trường giáo lý mà họ nắm giữ và cố xúy?

Tôi được chỉ bảo nói rằng: Những quan điểm của những người đang tìm kiếm các ý tưởng khoa học cao siêu không đáng tin cậy. Người ta đưa ra những mô tả như sau: “Đức Chúa Cha như ánh sáng vô hình; Đức Chúa Con như ánh sáng hiện thân; Đức Thánh Linh là ánh sáng tỏa ra khắp nơi.” “Đức Chúa Cha như sương, hơi nước vô hình; Đức Chúa Con như sương tụ lại trong hình dạng đẹp đẽ; Đức Thánh Linh như sương rơi xuống ngôi của sự sống.” Một cách mô tả khác: “Đức Chúa Cha như hơi nước vô hình; Đức Chúa Con như đám mây xám chì; Đức Thánh Linh là mưa rơi xuống và hoạt động với sức mạnh làm tươi mát.”

Tất cả những mô tả mang tính duy linh ấy chỉ là hư không. Chúng không hoàn hảo, không chân thật. Chúng làm suy yếu và hạ thấp sự uy nghiêm mà không một hình ảnh trần gian nào có thể sánh được. Đức Chúa Trời không thể đem so sánh với những vật do tay Ngài đã làm nên. Đó chỉ là những vật trần gian, đang ở dưới sự rửa sạch của Đức Chúa Trời vì có tội lỗi của loài người. Đức Chúa Cha không thể được mô tả bằng những vật của trần gian. Đức Chúa Cha là toàn bộ sự viên mãn của Thần Tính trong thân thể, và vô hình đối với mắt phàm nhân.

Ngôi Con là tất cả sự đầy trọn của thần tính được bày tỏ. Lời Đức Chúa Trời khẳng định rằng Ngài là 'hình ảnh chính xác của bản thể Ngài.' 'Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con một của Ngài, để hễ ai tin Con ấy không bị hư mất, nhưng được sự sống đời đời.' Ở đây cho thấy ngôi vị của Đức Chúa Cha.

"Đấng An Ủi mà Đấng Christ đã hứa sẽ sai đến sau khi Ngài thăng thiên, chính là Đức Thánh Linh trong mọi sự viên mãn của Thần Tính, bày tỏ quyền năng của ân điển thiêng liêng cho hết thảy những ai tiếp nhận và tin nơi Đấng Christ như Cứu Chúa cá nhân. Có ba ngôi vị sống động của bộ ba thiên thượng; nhân danh ba quyền năng vĩ đại này—Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh—những ai tiếp nhận Đấng Christ bằng đức tin sống động thì chịu phép báp-têm, và các quyền năng ấy sẽ hợp tác với những thần dân vâng phục của thiên đàng trong nỗ lực sống đời sống mới trong Đấng Christ." Lời Chứng Đặc Biệt, Loạt B, số 7, 62, 63.

Đoạn văn chỉ ra “những quan điểm của những người” đang dùng “những điều thuộc về trần gian” để định nghĩa Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh Linh. Rồi bà nói: “Đức Cha không thể được mô tả bằng những điều thuộc về trần gian.” Hãy lưu ý hai điểm bà nêu, dù một điểm có thể nghe như mâu thuẫn. Bà đang chỉ ra một mô tả sai về Thần Tính, mô tả ấy xem như có ba vị thần, nếu có thể nói vậy. Đó là một mô tả sai về Thần Tính, nhưng bà không hề bình luận rằng định nghĩa sai ấy về Thần Tính cũng không đúng vì nó gán cho Thần Tính số lượng các thần không đúng.

Cũng lưu ý rằng bà nói những điều thuộc về trần thế không thể dùng để mô tả Đức Chúa Cha. Ngay trong chính lời khẳng định ấy, chính bà lại đang dùng những điều thuộc về trần thế. Chính con người mới có con cái, mẹ, cha, cô dì và anh em họ. Và Chúa Giê-su cho chúng ta biết rằng sẽ không còn việc cưới gả trên thiên đàng, trong đất mới, vì chúng ta sẽ giống như các thiên sứ. Không có thiên sứ trai hay gái. Những thuật ngữ con người dùng để xác định các mối quan hệ giữa họ với nhau đã được Đức Chúa Trời dùng để dạy dỗ chúng ta về bản tính và phẩm cách của Ngài, nhưng ngay cả “những điều thuộc về trần thế” mà sự soi dẫn đã dùng để dạy con người về bản tính và phẩm cách của Đức Chúa Trời cũng không hoàn hảo.

Chúng ta đã được cho biết rằng: "Có ba thân vị sống động thuộc bộ ba thiên thượng" ... "Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh Linh." Việc gán những tư tưởng thông linh trần tục cho ba thân vị này là điều ghê tởm, nhưng không phải là điều ghê tởm khi gán "danh của ba quyền năng vĩ đại này" với định nghĩa Kinh Thánh về Thần Tính.

Nữ tiên tri nói rằng "danh" của ba Đấng quyền năng vĩ đại hợp nên Thần Tính là Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh Linh. Cũng như mọi lễ thật Kinh Thánh, khi được ghép lại dòng trên dòng, lời chứng trọn vẹn phải bao gồm mọi mốc dấu đã được bày tỏ. Lời chứng của các tiên tri phải được kết hợp. Đa-ni-ên gọi Đấng Christ là Palmoni (ngoài những danh xưng khác, đây chỉ là một ví dụ). Giăng gọi Ngài là Alpha và Omega và Môi-se gọi Ngài là Giê-hô-va. Theo Ellen White, danh của Ngài là Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh Linh.

"Sa-tan thì ... liên tục đưa những điều giả mạo vào—để dẫn lạc khỏi lẽ thật. Sự lừa dối sau cùng của Sa-tan sẽ là làm cho lời chứng của Đức Thánh Linh trở nên vô hiệu. 'Nơi nào không có khải tượng, dân chúng bị diệt vong' (Châm-ngôn 29:18). Sa-tan sẽ hành động một cách xảo quyệt, bằng nhiều cách và qua nhiều tác nhân khác nhau, để làm lung lay sự tin cậy của dân sót của Đức Chúa Trời vào lời chứng chân thật."

Sẽ có một mối căm ghét mang tính Sa-tan bùng lên chống lại các Chứng Ngôn. Những hoạt động của Sa-tan sẽ nhằm làm lung lay đức tin của các hội thánh đối với chúng, vì lý do này: Sa-tan không thể có một lối đi thông thoáng đến thế để đưa những sự lừa dối của nó vào và trói buộc các linh hồn trong những mê lầm của nó, nếu những lời cảnh cáo, khiển trách và lời khuyên của Thánh Linh Đức Chúa Trời được tuân theo. Những Sứ điệp được chọn, quyển 1, 48.

Một ý ngoài lề ngắn từ đoạn này. Giăng đã bị đày ra đảo Patmô vì Lời Đức Chúa Trời và lời chứng của Đức Chúa Giê-su. Sứ điệp của thiên sứ thứ ba có hai đối tượng mục tiêu: những người ở ngoài Cơ Đốc Phục Lâm và những người ở trong Cơ Đốc Phục Lâm. Giăng đại diện cho một tín hữu Phục Lâm không chỉ bị thế gian bắt bớ vì vâng theo Kinh Thánh, mà còn bị bắt bớ vì vâng theo các trước tác của Thần Linh của Lời Tiên Tri. Sự bắt bớ nhắm vào Thần Linh của Lời Tiên Tri đến từ bên trong, chứ không phải từ bên ngoài.

Thuở ban đầu của dân Israel thời cổ, sau bốn trăm năm ở Ai Cập, những người sẽ trở thành dân giao ước được chọn đã không còn giữ ngày Sa-bát. Họ không biết tính cách hay bản tính của Đấng Christ. Họ vẫn bám giữ những hiểu lầm về Đức Chúa Trời mà họ đã bị tiêm nhiễm trong thời kỳ nô lệ. Mười tai vạ; sự giải cứu qua Biển Đỏ; ma-na từ trời; đèn tạm và mọi đồ dùng của nó; các nghi lễ thánh; sân ngoài, Nơi Thánh và Nơi Chí Thánh; luật pháp của Đức Chúa Trời; tảng đá đã theo họ; nước chảy ra từ tảng đá đã theo họ, và thậm chí con rắn trên cây sào — tất cả đều nhằm gia tăng sự hiểu biết về Đức Chúa Trời trong dân được chọn của Ngài. Đó là một tiến trình giáo dục từng bước. Tiến trình ấy tiếp tục cho đến khi các thầy thông giáo "không dám hỏi Ngài thêm điều gì nữa"; rồi Ngài nêu ra chủ đề cuối cùng mà họ sẽ công khai thảo luận với Ngài, và chủ đề ấy liên quan đến danh của Đa-vít và Đấng Christ là ai và là gì.

Vào buổi đầu của Israel thuộc linh thời hiện đại, sau 1260 năm trong Ba-by-lôn thuộc linh, những người lẽ ra sẽ là dân giao ước được chọn đã không còn giữ ngày Sa-bát nữa. Họ không biết tính

cách hay bản tính của Đấng Christ. Họ vẫn giữ những hiểu lầm về Đức Chúa Trời mà họ đã thấm nhuần trong thời kỳ lưu đày. Lịch sử của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm, với mọi dấu mốc, sự bội đạo, những thỏa hiệp và các cuộc đấu tranh nội bộ, đã đạt đến một thời điểm vào thập niên 1880 khi cuốn *The Desire of Ages* được xuất bản. Được nêu rõ trong cuốn sách ấy ở trang 671 là một cách hiểu về Ba Ngôi Đức Chúa Trời đã phát triển vượt xa so với sự hiểu biết đến từ thế kỷ mười tám.

Israel cổ đại đã nảy sinh một cuộc tranh cãi vào hồi kết, bắt nguồn từ sự hiểu biết hạn hẹp về Thần Tính, dựa trên cách hiểu từ buổi đầu lịch sử của họ. Lời chứng của Đức Chúa Giê-su nói rằng, cho dù là Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con hay Đức Thánh Linh, tất cả đều là “sự viên mãn của Thần Tính trong thân thể” (Colossians 2:9). Lời chứng của Kinh Thánh nói: “Hỡi Israel, hãy nghe: Chúa, Đức Chúa Trời của chúng ta, là Chúa duy nhất” (Deuteronomy 6:4).

Israel hiện đại giữ nhiều quan niệm khác nhau về Thần tính, và chỉ một quan niệm là đúng. Vào thời cuối cùng của Israel hiện đại, Đức Chúa Trời sẽ hoàn tất công việc bày tỏ tính cách của Ngài, làm như vậy khi thời kỳ ân điển vẫn còn kéo dài. Đó chính là điều Ngài đã làm cho người Do Thái, và Ngài không bao giờ thay đổi. Chắc chắn chúng ta sẽ tiếp tục tăng trưởng trong sự hiểu biết về bản tính và tính cách của Đức Chúa Trời suốt cõi đời đời, nhưng đã có một dòng mạch tiên tri có chủ đích của lẽ thật cho thấy nỗ lực của Đức Chúa Trời nhằm giáo dục dân Ngài về chính Ngài, và lịch sử ấy là một phần của sự giáo dục mà Ngài đang muốn dạy hiện nay; và những thông tin tìm thấy trong lời tiên tri liên quan đến tiến trình giáo dục đó xác định một điểm kết thúc của cuộc thảo luận, tương ứng với sự kết thúc của thời kỳ ân điển.

Đấng Christ là Con Đức Chúa Trời đã hiện hữu từ trước, tự hữu.... Khi nói về sự hiện hữu từ trước của mình, Đấng Christ đưa tâm trí trở về qua những thời đại vô niên. Ngài quả quyết với chúng ta rằng chẳng hề có lúc nào Ngài không ở trong mối thông công mật thiết với Đức Chúa Trời đời đời. Đấng mà người Do Thái khi ấy đang lắng nghe tiếng Ngài chính là Đấng đã ở cùng Đức Chúa Trời như một người được dưỡng dục bên Ngài. *Signs of the Times*, 29 tháng 8, 1900.

Ngài vốn ngang bằng với Đức Chúa Trời, vô hạn và toàn năng.... Ngài là Con đời đời, tự hữu.

Dù Lời Đức Chúa Trời nói về nhân tính của Đấng Christ khi Ngài ở trên đất này, thì cũng nói một cách dứt khoát về sự tiên hữu của Ngài. Ngôi Lời hiện hữu như một hữu thể thần linh, chính là Con Đức Chúa Trời đời đời, trong sự hiệp nhất làm một với Cha Ngài. Từ đời đời, Ngài là Đấng Trung Bảo của giao ước, Đấng mà trong Ngài mọi dân trên đất, cả người Do Thái lẫn Dân Ngoại, nếu tiếp nhận Ngài, sẽ được ban phước. 'Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời.' Trước khi loài người hay các thiên sứ được dựng nên, Ngôi Lời đã ở cùng Đức Chúa Trời, và là Đức Chúa Trời." *Review and Herald*, ngày 5 tháng 4, 1906.

Trong đoạn văn ấy, cô ấy trích dẫn ngay từ những lời đầu tiên của John.

Ban đầu đã có Ngôi Lời, và Ngôi Lời ở với Thiên Chúa, và Ngôi Lời là Thiên Chúa. Ngay từ ban đầu, Ngôi Lời đã ở với Thiên Chúa. Nhờ Người, muôn vật đã được tạo thành; không có Người thì chẳng có gì đã được tạo thành. *Gioan 1:1-3*.

Ban đầu đã có ít nhất hai Đức Chúa Trời, vì Giăng đã nói: ‘Ngôi Lời là Đức Chúa Trời và ở cùng Đức Chúa Trời.’ Trong câu đầu tiên của Sáng thế ký, từ tiếng Hê-bơ-rơ “Elohim” được dịch là Đức Chúa Trời. Nhiều khi trong Lời Đức Chúa Trời, “Elohim” được đặt trong một cấu trúc ngữ pháp để chỉ một Đức Chúa Trời số ít, nhưng dấu vậy nó vẫn là số nhiều. Giăng loại bỏ cách hiểu rằng “Elohim” trong câu ấy là một Đức Chúa Trời số ít bằng lời làm chứng thứ hai của ông về vấn đề này. Lời chứng của ông xác lập rằng có ít nhất hai Đức Chúa Trời.

Điều đáng lo ngại hơn đối với những người chống thuyết Ba Ngôi, những người tuyên bố đề cao Thần Linh của Lời Tiên Tri, là rằng ngay từ ban đầu “Thần của Đức Chúa Trời đã vận hành trên mặt nước.” “Thần” đã vận hành trên mặt nước ấy là Đức Cha hay Đức Con, hay là Ngôi thứ ba của bộ ba thiên thượng như Bà White gọi Ngài? Ba câu đầu tiên trong Phúc Âm Giăng được tiếp nối bởi những lời này.

Trong Ngài có sự sống; và sự sống ấy là ánh sáng của loài người. Ánh sáng chiếu soi trong bóng tối; và bóng tối chẳng hiểu được ánh sáng ấy. Giăng 1:4, 5.

Việc nhắc đến ánh sáng và bóng tối hoàn toàn phù hợp với phần mở đầu Sách Sáng Thế, trong đó nói rằng.

Đức Chúa Trời phán: Hãy có ánh sáng; và có ánh sáng. Đức Chúa Trời thấy ánh sáng là tốt; và Đức Chúa Trời tách ánh sáng khỏi bóng tối. Sáng thế ký 1:3, 4.

Chúng ta sẽ sớm quay lại hai đoạn văn song song này về ánh sáng, là chủ đề trong câu chuyện sáng tạo tiếp nối sau phần giới thiệu về Thần tính. Ban đầu, lẽ thật đầu tiên được đề cập là cấu tạo hay bản chất của Thần tính. Nhưng đoạn văn này không kết thúc cho đến chương hai, câu ba, nơi chúng ta thấy rằng ba từ cuối cùng trong tường thuật về sự sáng tạo bắt đầu bằng ba chữ cái tiếng Hê-bơ-rơ, ghép lại thành từ được dịch là "truth".

Phần mở đầu của bản tường thuật về sự sáng tạo giới thiệu về Ba Ngôi Đức Chúa Trời, rồi trình bày quyền năng sáng tạo của lời Ngài, và kết thúc đoạn ấy bằng một dấu ấn thiêng liêng biểu trưng cho lẽ thật, sứ điệp của thiên sứ thứ ba và danh của Đức Chúa Trời như được biểu thị bởi Alpha và Omega.

Đến ngày thứ bảy, Đức Chúa Trời làm xong công việc Ngài đã làm; và Ngài nghỉ ngơi trong ngày thứ bảy khỏi mọi công việc Ngài đã làm. Đức Chúa Trời ban phước cho ngày thứ bảy và thánh hóa nó, vì trong ngày ấy Ngài đã nghỉ ngơi khỏi mọi công việc mà Đức Chúa Trời đã dựng nên và làm ra. Sáng-thế Ký 2:2, 3.

Phần kết của những lẽ thật đầu tiên được dạy trong Lời Đức Chúa Trời là cao trào của đoạn Kinh Thánh. Đoạn ấy kết thúc với ba từ “Đức Chúa Trời”, “dựng nên” và “làm nên”, qua đó nhấn mạnh phần mở đầu của đoạn, nhưng cũng quan trọng không kém là nhấn mạnh ngày Sa-bát thứ bảy. Dĩ nhiên, ngày Sa-bát là biểu tượng của sự sáng tạo và là dấu giữa Đức Chúa Trời và dân được chọn của Ngài. “Lẽ thật” được thể hiện trong ba chữ cái bắt đầu của từng từ trong ba từ cuối cùng của công cuộc sáng tạo ấy. Lời chứng nhấn mạnh tầm quan trọng và ý nghĩa của lẽ thật về ngày Sa-bát; nhưng cũng sâu sắc không kém là việc ba chữ cái ấy còn tượng trưng cho ba bước của các sứ điệp thiên sứ thứ nhất, thứ hai và thứ ba. Vì vậy, ngay trong đoạn Kinh Thánh đầu tiên, ngày Sa-bát như

là dấu của quyền năng sáng tạo của Đức Chúa Trời cũng được xác định là vấn đề thử thách vào thời kỳ sau rốt. Sách cuối cùng trong Kinh Thánh cung cấp một lời chứng thứ ba để đi kèm với lời chứng của Giảng trong Tin Lành của ông.

Gioan gửi cho bảy Hội Thánh ở Châu Á: Ân sủng và bình an cho anh em, từ Đấng hiện có, đã có và sẽ đến; và từ bảy Thần ở trước ngai của Người; và từ Đức Giêsu Kitô, Chứng Nhân trung tín, Trưởng Tử trong số những kẻ chết, và là Chúa của các vua trên đất. Đấng đã yêu thương chúng ta và dùng chính máu mình rửa sạch chúng ta khỏi tội lỗi, và đã lập chúng ta thành các vua và các tư tế cho Thiên Chúa là Cha của Người; nguyện vinh quang và quyền thống trị thuộc về Người muôn đời muôn kiếp. Amen. Kia, Người đến giữa mây; mọi mắt sẽ thấy Người, cả những kẻ đã đâm thâu Người; và mọi dòng họ trên đất sẽ than khóc vì Người. Phải, Amen. Ta là Alpha và Ômêga, là khởi đầu và là kết thúc, Chúa phán, Đấng hiện có, đã có và sẽ đến, Đấng Toàn Năng.

Tôi, Giảng, cũng là anh em của anh em và là bạn đồng chịu hoạn nạn, và đồng dự phần trong Nước và sự nhẫn nại của Chúa Giê-xu Christ, đã ở trên đảo gọi là Patmos, vì lời của Đức Chúa Trời và vì lời chứng của Chúa Giê-xu Christ. Tôi ở trong Thánh Linh vào ngày của Chúa, và nghe phía sau tôi có một tiếng lớn như tiếng kèn, phán rằng: Ta là Alpha và Omega, là đầu tiên và là cuối cùng; và: Điều người thấy, hãy viết vào một cuốn sách, và gửi cho bảy hội thánh ở châu Á: cho Ephesus, và cho Smyrna, và cho Pergamos, và cho Thyatira, và cho Sardis, và cho Philadelphia, và cho Laodicea. Khải Huyền 1:4-11.

Ba câu đầu của chương một sách Khải Huyền xác định sứ điệp cảnh báo sau cùng và cách sứ điệp ấy được truyền đạt từ Đức Chúa Trời đến nhân loại. Cũng nói rằng đây là sự mặc khải của Đức Chúa Giê-su Christ, qua đó phân biệt giữa sách Khải Huyền và sách Đa-ni-ên. Một cuốn là lời tiên tri, cuốn kia là sự mặc khải.

"Trong sách Khải Huyền, mọi sách trong Kinh Thánh đều hội tụ và kết thúc. Ở đây là phần bổ sung cho sách Đa-ni-ên. Một cuốn là lời tiên tri; cuốn kia là sự mặc khải. Quyển sách bị niêm phong không phải là Khải Huyền, mà là phần lời tiên tri của Đa-ni-ên liên quan đến những ngày sau rốt. Thiên sứ phán: 'Còn người, hỡi Đa-ni-ên, hãy đóng lại những lời này và niêm phong sách, cho đến thời kỳ cuối cùng.' Đa-ni-ên 12:4." Công vụ các Sứ đồ, 585.

Trong sách Khải Huyền có những mạch tiên tri cần được nhận ra và ghép lại với nhau, dòng nọ nối dòng kia. Tất cả các mạch tiên tri ấy đều quy về và kết thúc trong sách Khải Huyền, nhưng quyển sách bị niêm phong không phải là sách Khải Huyền; và cũng không chỉ đơn thuần là sách Đa-ni-ên bị niêm phong, mà điều được niêm phong trong sách Đa-ni-ên là "phần lời tiên tri của Đa-ni-ên liên quan đến thời kỳ sau rốt."

"Những ngày sau rốt" có thể được hiểu theo nghĩa chung, nhưng để hiểu chúng như những lời được linh cảm (mà quả thật là như vậy) thì cần chúng ta cũng đánh giá xem cụm từ "những ngày sau rốt" có gắn với biểu tượng tiên tri hay không. "Những ngày sau rốt" là một giai đoạn cụ thể trong lịch sử tiên tri, có nhiều bằng chứng ủng hộ. Tôi hy vọng sẽ trình bày lịch sử đó trong tương lai gần. Cụ thể, đó là lịch sử từ năm 1798 cho đến khi kết thúc thời kỳ thử thách. Một cách để nhận biết điều này là: trong nghi lễ đền thánh theo nghĩa đen, có một ngày trong năm tượng trưng cho sự phán xét, và đó là Ngày Lễ Chuộc Tội. Nghi lễ theo nghĩa đen đó là hình bóng cho điều mà Bà White

gọi là Ngày Lễ Chuộc Tội phản-kiểu. Ngày Lễ Chuộc Tội theo nghĩa tiên tri hay thuộc linh tượng trưng cho "những ngày sau rốt" của thời kỳ thử thách; nó tượng trưng cho thời kỳ của cuộc phán xét cuối cùng.

Lời tiên tri trong sách Đa-ni-ên đã được niêm phong gồm hai phần. Có một lời tiên tri liên quan đến những ngày sau rốt mà những người Millerite đã nhận ra, loan báo sự mở ra của cuộc phán xét. Đoạn ấy trong sách Đa-ni-ên được thể hiện qua khái tượng về sông Ulai ở các chương 8 và 9. Lời tiên tri khác được niêm phong trong Đa-ni-ên công bố sự kết thúc của cuộc phán xét, và sự kết thúc của phong trào Phục Lâm, và sự kết thúc của Hoa Kỳ, và sự kết thúc của thế giới. Khái tượng đó được thể hiện qua sông Hiddekel.

"Ánh sáng mà Đa-ni-ên nhận được từ Đức Chúa Trời đã được ban ra đặc biệt cho những ngày sau rốt này. Những khái tượng ông đã thấy bên bờ sông Ulai và Hiddekel, những con sông lớn của Shinar, hiện đang trong quá trình được ứng nghiệm, và tất cả những sự kiện đã được báo trước sẽ sớm xảy ra." Testimonies to Ministers, 112, 113.

Khái tượng Ulai đã được mở ấn vào năm 1798 và đề cập đến đền thánh của Đức Chúa Trời và dân sự Ngài. Khái tượng Hiddekel đã được mở ấn vào năm 1989 khi, như mô tả trong Đa-ni-ên 11:40, các quốc gia đại diện cho Liên Xô cũ đã bị quyền giáo hoàng và Hoa Kỳ quét đi, và khái tượng này đề cập đến các kẻ thù của dân Đức Chúa Trời. Hai khái tượng này có chức năng giống như bảy hội thánh và bảy ấn trong sách Khải Huyền. Một khái tượng là lịch sử nội bộ của hội thánh, còn khái tượng kia là lịch sử bên ngoài của hội thánh, và cả hai đều xuyên suốt toàn bộ thời kỳ và "đặc biệt dành cho" "những ngày sau rốt này."

Nhưng dù chúng ta được cho biết rằng sách Khải Huyền không phải là cuốn sách đã được niêm phong, chúng ta cũng được cho biết rằng nó là một cuốn sách được niêm phong.

"Khải Huyền là một quyển sách được niêm phong, nhưng cũng là một quyển sách mở. Nó ghi lại những sự kiện kỳ diệu sẽ diễn ra trong những ngày cuối cùng của lịch sử trái đất này. Những giáo huấn của quyển sách này là rõ ràng, chứ không huyền bí và khó hiểu. Trong đó, cùng một dòng tiên tri được tiếp nối như trong sách Đa-ni-ên. Một số lời tiên tri Đức Chúa Trời đã lặp lại, qua đó cho thấy rằng chúng cần được coi trọng. Chúa không lặp lại những điều không mấy hệ trọng." Manuscript Releases, tập 9, 8.

Sách Khải Huyền được mở ấn vì các lời tiên tri trong sách Đa-ni-ên đã được mở ấn, và chính những mạch tiên tri đã được mở ấn trong Đa-ni-ên cũng là những mạch được tìm thấy trong Khải Huyền. Điều đã bị đóng ấn trong Sách Khải Huyền là một phần của Khải Huyền đặc biệt liên quan đến dân của Đức Chúa Trời trong "những ngày sau rốt". Khi bà White viết lời này, "bảy tiếng sấm" vào thời điểm ấy vẫn còn bị đóng ấn, nên bà viết rằng "đó là một quyển sách đã được đóng ấn". Bà cũng nói sách Đa-ni-ên là "quyển sách đã bị đóng ấn", ở thì quá khứ. Đối với bà, nó đã được mở ấn vào năm 1798.

Điều đã được ấn kín liên quan đến bảy tiếng sấm trong thời bà còn sống không chỉ đơn thuần là những sự kiện tương lai mà bảy tiếng sấm đại diện, mà chủ yếu là việc "bảy tiếng sấm" biểu thị rằng khởi đầu của Phong trào Cơ Đốc Phục Lâm song song với sự kết thúc của nó. "Bảy tiếng sấm" bày tỏ quy tắc tiên tri quan trọng nhất cần thiết để hiểu Khải Huyền của Đức Chúa Giê-xu

Christ, đồng thời cũng tỏ lộ một thuộc tính trong bản tính và phẩm cách của Đức Chúa Trời, rằng Ngài là khởi đầu và kết thúc của muôn vật. Lời tiên tri chỉ ra rằng có một sự phát triển có mục đích của các lễ thật liên hệ đến bản tính và phẩm cách của Đức Chúa Trời.

Chúa Giê-su, khi được mô tả như “Sur Tũ thuộc chi phái Giu-đa”, biểu trưng cho công việc Ngài thực hiện khi bày tỏ lễ thật một cách tiệm tiến và có hệ thống xuyên suốt lịch sử. Ngài niêm phong lời tiên tri cho đến thời điểm nó cần được hiểu. Ngài niêm phong và mở ấn lễ thật nhằm mục đích dạy dỗ. Là Palmoni, Chúa Giê-su là Đấng Đếm Số Diệu Kỳ, Chúa tể của thời gian, điều khiển câu chuyện của Ngài. Là Anpha và Ômêga, ngoài những điều khác, Ngài còn là Bậc Thầy của ngôn ngữ. Là Sur Tũ thuộc chi phái Giu-đa, Ngài là Đấng kiểm soát thời điểm lễ thật được bày tỏ cho loài người.

Trong Sách Khải Huyền chương một, sau ba câu đầu tiên, bản thể Đức Chúa Trời được trình bày như ba ngôi riêng biệt.

John gửi đến bảy hội thánh ở châu Á: Nguyện ân điển và bình an ở cùng anh em,
từ Đấng hiện có, đã có, và sẽ đến;
và từ bảy thân linh ở trước ngai Ngài;

Và từ Đức Chúa Giê-su Christ, là Chứng Nhân Thành Tín, là Trưởng Tử từ trong kẻ chết, và là Đấng Cai Trị các vua trên đất. Khải Huyền 1:4, 5.

Phần mở đầu của sách cuối cùng trong Kinh Thánh rõ ràng gửi lời chào đến hội thánh của Đức Chúa Trời, đồng thời nêu rõ Đức Chúa Cha, Đức Thánh Linh và Đức Chúa Con. Phần kết của Lời Đức Chúa Trời lặp lại phần khởi đầu, và qua đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hiểu đúng về Đức Chúa Trời Ba Ngôi. Điều này được thực hiện cho những người sẽ là những người Phi-la-đen-phi và hợp thành một trăm bốn mươi bốn ngàn. Họ là dân giao ước cuối cùng, đã được tiêu biểu xuyên suốt các dòng lịch sử giao ước. Những chứng nhân ấy, cùng với các lễ thật khác, xác lập rằng Đức Chúa Trời đã dần dần tìm cách gia tăng sự hiểu biết về bản tánh và đức tánh của Ngài xuyên suốt lịch sử tiên tri.

Biểu tượng lớn nhất trong Kinh Thánh về sự thiếu hiểu biết của con người đối với Đức Chúa Trời là Pha-ra-ôn, người đại diện cho Ai Cập, một biểu tượng của cả thế gian và vì thế của toàn thể nhân loại. Dấu mốc đó mở đầu tiến trình ngay từ buổi đầu của Israel theo nghĩa đen, nơi Đức Chúa Trời tìm cách làm cho danh Ngài được biết đến. Vào cuối thời Israel theo nghĩa đen, cuộc tranh luận về danh Đức Chúa Trời đã tái diễn. Vào cuối thời Israel theo nghĩa đen, Chúa Giê-su đã ghi dấu sự tương tác của Ngài với người Do Thái bằng cách chỉ ra lịch sử của Đa-vít và dùng “quy tắc nhắc đến lần đầu” để trình bày tuyên bố cuối cùng liên quan đến sự mù lòa La-ô-đi-xê của người Do Thái. Họ không hiểu điều Ngài nói, vì họ không biết quy tắc An-pha và Ô-mê-ga, cũng không nhận biết An-pha và Ô-mê-ga đang đứng trước mặt họ.

Ngay từ buổi đầu của Israel thuộc linh, cuộc tranh chiến được minh họa trong lịch sử của Môi-se đã được lặp lại. Khi phong trào Cơ Đốc Phục Lâm trải qua giai đoạn lịch sử của “những ngày sau rốt”, đã có nhiều cơ hội để hiểu biết thêm về Alpha và Omega, giống như với Israel cổ đại. Sẽ đến

một thời điểm khi không còn câu hỏi nào được nêu ra nữa vào hồi kết của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm, như đã từng xảy ra trong thời của Đấng Christ.

Trở lại đoạn trong sách Khải Huyền chương một, chúng ta thấy ân điển và bình an được gửi đến từ Đấng hiện có, đã có và sẽ đến, và từ bảy Thần, cũng như từ Chúa Giê-xu. Thần thánh được trình bày là Chúa Giê-xu, bảy Thần, và Đấng hiện có, đã có và sẽ đến, từ đó cho chúng ta biết rằng chính Đức Cha là Đấng sở hữu các đặc tính được diễn tả là “Đấng hiện có, đã có và sẽ đến.” Những đặc tính này biểu thị bản tính đời đời của Đức Chúa Trời. Ngài hằng hữu, và trong câu 8 và 9, chính thuộc tính ấy được quy cho Chúa Giê-xu một cách rõ ràng.

Ta là An-pha và Ô-mê-ga, là khởi đầu và kết thúc, Chúa phán, Đấng hiện có, đã có và sẽ đến, Đấng Toàn Năng. Tôi, Giăng, cũng là anh em của anh em, và bạn đồng chịu hoạn nạn, cùng ở trong vương quốc và sự nhẫn nại của Đức Chúa Giê-xu Christ, đã ở trên hòn đảo gọi là Patmos, vì lời Đức Chúa Trời và vì lời chứng của Đức Chúa Giê-xu Christ. Vào ngày của Chúa, tôi ở trong Thánh Linh và nghe phía sau tôi có một tiếng lớn như tiếng kèn, nói rằng: Ta là An-pha và Ô-mê-ga, là đầu tiên và là sau cùng; những gì ngươi thấy, hãy chép vào một sách và gửi cho bảy hội thánh ở châu Á: đến Ephesus, đến Smyrna, đến Pergamos, đến Thyatira, đến Sardis, đến Philadelphia, và đến Laodicea. Khải Huyền 1:8-11.

Những ai có Kinh Thánh in các lời của Chúa Giê-xu bằng mực đỏ đều biết rằng ở câu tám và câu mười một, chính Chúa Giê-xu đang phán. Trong những câu ấy, Chúa Giê-xu khẳng định rằng Ngài sở hữu cùng một bản tính đời đời như Chúa Cha khi Ngài xưng mình là "Chúa, Đấng hiện có, đã có, và sẽ đến," và Chúa Giê-xu cũng thêm rằng Ngài là "Đấng Toàn Năng."

Điều đầu tiên Chúa Giê-xu phán ở phần mở đầu Sách Khải Huyền—quyển sách xác nhận rằng đó là Khải Huyền của Chúa Giê-xu Christ—là Ngài là Alpha và Omega, rằng Ngài cũng đời đời như Cha, và rằng Ngài cũng là Đức Chúa Trời Toàn Năng. Những thuộc tính của bản tính Đức Chúa Trời chính là những lời đầu tiên trong Sách Khải Huyền do Chúa Giê-xu phán. Những thuộc tính ấy là chướng ngại trực tiếp đối với những người Cơ Đốc Phục Lâm vẫn bảo vệ lập trường ban đầu về Ba Ngôi. Họ tin rằng đã có một thời khi Cha sinh ra Con của Ngài.

Phần kết của sách Khải Huyền phù hợp với phần mở đầu của sách Khải Huyền.

Sự Tái Lâm theo sau phần mô tả về Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Trong chương hai mươi hai, chúng ta thấy phần kết của sách nhất quán với phần mở đầu của sách, và câu mười hai tương ứng với câu bảy của chương một khi cùng nhắc đến Sự Tái Lâm.

Và kìa, Ta đến mau chóng; và phần thưởng của Ta ở cùng Ta, để ban cho mỗi người tùy theo công việc họ đã làm. Ta là Anpha và Ômêga, là ban đầu và cuối cùng, là thứ nhất và sau cùng. Phước cho những người giữ các điều răn của Ngài, để họ có quyền đến cây sự sống và được vào thành bởi các cửa. Vì ở ngoài là những con chó, các phù thủy, những kẻ dâm dục, những kẻ giết người, những kẻ thờ hình tượng, và hết thảy những ai ưa thích và làm điều dối trá. Ta, Giê-su, đã sai thiên sứ của Ta đến để làm chứng cho các ngươi những điều này trong các Hội thánh. Ta là rễ và dòng dõi của Đa-vít, là ngôi sao sáng ban mai. Và Thánh Linh cùng Tân Nương nói: Hãy đến. Ai nghe, cũng hãy nói: Hãy đến. Ai khát, hãy đến; ai muốn, hãy nhận lấy nước sự sống cách nhưng không. Khải Huyền 22:12-17.

Sau khi nhắc đến Sự Tái Lâm, Chúa Giê-su, như trong Khải Huyền chương một, tự xưng là Alpha và Omega. Rồi Ngài thêm sự phân biệt giữa những người sẽ lắng nghe và những người sẽ không lắng nghe điều Thánh Linh nói với các hội thánh. Ngài nhắc đến tiến trình truyền đạt được minh họa trong các câu một đến ba của chương một, khi cho biết rằng Ngài đã sai Gabriel mang sứ điệp đến cho Giăng.

Rồi Ngài quay lại với lời tuyên bố cuối cùng mà Ngài đã nói với các thầy thông giáo và những người Pha-ri-si vào hồi kết của Y-sơ-ra-ên xưa. Ngài kết nối cả hai hồi kết của Y-sơ-ra-ên theo nghĩa đen và Y-sơ-ra-ên thuộc linh lại với nhau, khi trong sách Khải Huyền Ngài giải đáp cho những người ở “những ngày sau rốt” điều mà người Do Thái trong “những ngày sau rốt” của họ đã không thể hiểu. Ngài phán rằng Ngài là cội rễ (khởi đầu) và hậu tự (kết thúc) của Đa-vít. Chủ đề về Đa-vít và Chúa của ông là lời phát biểu cuối cùng Chúa Giê-xu đã nói với những người Do Thái hay bất bẻ, và nó tiêu biểu cho lời tuyên bố cuối cùng dành cho những người trong những ngày sau rốt, là những kẻ, theo sứ điệp gửi cho Hội thánh Phi-la-đen-phi, tự xưng là người Do Thái nhưng không phải.

Kìa, Ta sẽ khiến những kẻ thuộc về hội đường của Sa-tan, là những kẻ tự xưng là người Do Thái mà không phải, nhưng nói dối; kìa, Ta sẽ khiến họ đến và sấp mình thờ lạy trước chân người, và biết rằng Ta đã yêu người. Vì người đã giữ lời nhậm nại của Ta, Ta cũng sẽ gìn giữ người khỏi giờ thử thách, là giờ sẽ đến trên khắp thế gian để thử những kẻ cư ngụ trên đất. Khải Huyền 3:9, 10.

Những kẻ thờ lạy dưới chân các thánh là những tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê đã bị Chúa mưa ra khỏi miệng Ngài.

"Bạn nghĩ rằng những người thờ lạy trước chân các thánh đồ (Khải Huyền 3:9) sau cùng sẽ được cứu rỗi. Ở đây tôi phải bất đồng với bạn; vì Đức Chúa Trời đã cho tôi thấy rằng hạng người này là những người xưng mình là tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm, đã bội đạo, và 'đóng đinh Con Đức Chúa Trời một lần nữa cho chính họ, và làm nhục Ngài cách tởm tượng.' Và trong 'giờ thử thách', vốn còn ở phía trước, để bày tỏ bản chất thật của mỗi người, họ sẽ biết rằng mình đã hư mất đời đời; và bị nổi thống khổ trong tâm linh đè nặng, họ sẽ quỳ lạy trước chân các thánh đồ." Lời Gửi Đến Bầy Nhỏ, 12.

Theo Kinh Thánh và Thần Linh của Lời Tiên Tri, những kẻ thờ lạy dưới chân các thánh đồ là thành viên của hội đường của Sa-tan. Họ tự xưng là người Do Thái, nhưng không phải vậy. Những người Cơ Đốc Phục Lâm công chính đang được nhắc đến trong hội thánh Philadelphia. Một trăm bốn mươi bốn nghìn là những người thuộc Philadelphia, còn những người Do Thái tự xưng là như vậy nhưng không phải—thuộc Laodicea. Có hai hạng người trung tín trong "những ngày sau rốt", một trăm bốn mươi bốn nghìn và những người tử đạo. Chỉ có hai hội thánh trong bảy hội thánh không bị quở trách. Một là Philadelphia, đại diện cho những người không bao giờ chết; hội kia là Smyrna, đại diện cho các vị tử đạo trung tín. Những người tử đạo và những người không chết, Smyrna và Philadelphia, là hai hội thánh duy nhất trong bảy hội thánh không có lời quở trách gắn với sứ điệp dành cho họ. Tuy vậy, cả hai hội thánh đều phải đối diện với những kẻ tự xưng là người Do Thái nhưng không phải. Điều này là như vậy, vì tất cả họ đều là thành viên của cùng một hội thánh trong "những ngày sau rốt", đối diện với cùng những hoàn cảnh: một nhóm được định sẵn để làm chứng

bằng huyết mình, được tượng trưng bởi Moses trên Núi Hóa Hình; và nhóm kia được tượng trưng bởi Elijah, người chưa từng chết.

Và hãy viết cho thiên sứ của Hội thánh tại Smyrna: Đây là lời của Đấng thứ nhất và cuối cùng, Đấng đã chết và nay sống: Ta biết việc làm, hoạn nạn và sự nghèo khó của ngươi (nhưng ngươi là người giàu có); và Ta biết lời phi báng của những kẻ nói rằng họ là người Do Thái mà không phải, nhưng là hội đường của Sa-tan. Đừng sợ những điều ngươi sắp chịu: kia, ma quỷ sẽ tống giam một số người trong các ngươi vào ngục, để các ngươi được thử thách; và các ngươi sẽ chịu hoạn nạn trong mười ngày. Hãy trung tín cho đến chết, và Ta sẽ ban cho ngươi mã triều thiên sự sống. Khải Huyền 2:8-10.

Khi Chúa Giê-su mô tả hoàn cảnh nghiệt ngã của hội thánh tại Smyrna, Ngài chỉ đưa ra một lời nhận xét tích cực khi phán: “nhưng ngươi giàu có,” qua đó đối chiếu họ với các thành viên của hội đường của Sa-tan, là những người không giàu. Những người trong Khải Huyền thuộc Cơ Đốc Phục Lâm và nghĩ rằng mình giàu có, nhưng không phải, chính là những người Do Thái nói rằng họ là Do Thái, nhưng không phải—vì họ là những tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy thuộc Laodicea.

Ngay phần mở đầu sách Khải Huyền, Ba Ngôi Đức Chúa Trời được trình bày như ba ngôi vị; và ở cuối sách Khải Huyền, Chúa Giê-su và Thánh Linh được nhắc đến trực tiếp, nhưng không có Đức Chúa Cha. Điều đó không quan trọng, vì nguyên tắc “dòng nối dòng” kết hợp với việc phần đầu minh họa phần cuối đòi hỏi phải nhận biết Đức Chúa Cha trong những câu cuối của Khải Huyền, bởi Ngài đã được xác định là hiện diện trong những câu đầu. Điều này cũng không khác gì Phúc Âm Giăng chương một, nơi Giăng không trực tiếp nêu danh Thánh Linh, nhưng người ta hiểu rằng Thánh Linh hiện diện ở đó, vì Thánh Linh đã có mặt ngay lần đầu tiên cụm từ “lúc ban đầu” được viết. Lời chứng trong Phúc Âm Giăng chương một bắt đầu bằng chính cụm từ “lúc ban đầu.”

“Khởi đầu” là một biểu tượng tiên tri và cần được đánh giá theo các quy tắc tiên tri, bao gồm cả nguyên tắc “dòng nọ nối dòng kia”. Khởi đầu của Môi-se là khởi đầu của Phúc Âm Giăng, là khởi đầu của sách Khải Huyền, và cũng là phần kết của sách Khải Huyền. Trong bốn dòng ấy, có hai lần cả ba ngôi vị của bộ ba thiên thượng được nêu rõ; trong một dòng (Phúc Âm Giăng) có thể vắng Thánh Linh, và trong dòng thứ tư thì vắng Cha; nhưng khi đặt chung lại, cả ba Ngôi Vị Thiên Liêng đều hiện diện trong cả bốn dòng.

Đấng Christ đến để bày tỏ Cha, và Đức Thánh Linh đến để bày tỏ Con. Cả ba đều đã dâng những hy sinh vĩnh cửu. Đức Chúa Cha yêu thế gian đến nỗi đã ban Chúa Giê-su; Chúa Giê-su yêu thế gian đến nỗi Ngài chấp nhận, đời đời, mặc lấy thân xác của những người Ngài đã dựng nên. Đó là sự ban cho như thế nào khi Đấng Tạo Hóa chọn trở thành một phần của chính tạo vật của Ngài? Ngôi thứ ba của Ba Ngôi Đức Chúa Trời đã dâng chính mình, vì Ngài đã chấp nhận việc sống ở bên trong thực thể được tạo dựng gọi là nhân loại — đến muôn đời.

Có lẽ cũng vì lý do này mà Đức Thánh Linh nhiều lần được gắn liền với các biểu tượng của dân Đức Chúa Trời. Ngài là Ngôi vị trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời ngự cùng nhân loại. Vì vậy, trong Kinh Thánh, các biểu tượng về Đức Thánh Linh thường là những hình ảnh vừa tượng trưng cho Đức Thánh Linh vừa tượng trưng cho loài người. Thuở ban đầu, Đức Thánh Linh vận hành trên

mặt nước.

Ngài lại phán cùng tôi rằng: Những dòng nước mà ngươi đã thấy, nơi dân phụ ngòi, tức là các dân, các đoàn dân đông đảo, các nước và các thú tiếng. Khải Huyền 17:15.

Trong đền tạm do Môi-se dựng lên, món đồ duy nhất không có bản mẫu cụ thể, chi tiết cho thợ làm theo là chân đèn bảy nhánh. Chân đèn tượng trưng cho sự kết hợp giữa nhân tính và thần tính. Vì lý do này, thiết kế của chân đèn là hạng mục duy nhất trong đền tạm được để cho con người góp phần định hình. Bảy chân đèn mà Đấng Christ đi giữa được xác định là bảy Hội Thánh, nhưng chân đèn được tiếp dầu, tượng trưng cho Đức Thánh Linh, và bắc đèn giữ ngọn lửa chiếu sáng được làm từ những áo vải gai trắng đã qua sử dụng của các thầy tế lễ, tượng trưng cho sự công chính của Đấng Christ chiếu rọi như ánh sáng của thế gian. Dân sự của Đức Chúa Trời là ánh sáng của thế gian, nhưng ánh sáng ấy chỉ được duy trì bởi dầu của Đức Thánh Linh. Trong Kinh Thánh, khi mô tả về Ngài, Đức Thánh Linh thường được gắn liền với con người.

Và từ ngài phát ra những tia chớp, tiếng sấm và tiếng nói; và trước ngài có bảy ngọn đèn lửa đang cháy, đó là bảy Thần của Đức Chúa Trời. Khải Huyền 4:5.

Bảy ngọn đèn ở đây được xác định là "bảy Thần của Đức Chúa Trời", nhưng chúng ta được cho biết rằng bảy chân đèn là bảy Hội Thánh.

Sự mâu nhiệm của bảy ngôi sao mà ngươi đã thấy trong tay hữu ta, và của bảy chân đèn bằng vàng. Bảy ngôi sao là các thiên sứ của bảy Hội thánh; và bảy chân đèn mà ngươi đã thấy là bảy Hội thánh. Khải Huyền 1:20.

Bảy chân nến vừa là bảy Thần vừa là Hội Thánh của Đức Chúa Trời.

Tôi nhìn xem, kìa, ở giữa ngài và bốn sinh vật, và ở giữa các trưởng lão, có một Chiên Con đứng đó như đã bị sát tế, có bảy sừng và bảy mắt, là bảy Thần của Đức Chúa Trời được sai đi khắp đất. Khải Huyền 5:6.

Bảy sừng và bảy mắt cũng là Đức Thánh Linh, Đấng được sai đến khắp đất, và khi chịu báp-têm, một Cơ Đốc nhân cũng được sai đi khắp đất, vì người ấy đã chịu báp-têm nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh. Trong lời chúc phước được tuyên trên các vị tử đạo của cuộc khủng hoảng luật Chủ nhật, và trên tất cả những người đã qua đời trong đức tin trong Y-sơ-ra-ên thuộc linh thời hiện đại kể từ năm 1844, chính Đức Thánh Linh là Đấng đọc lời điều cho tang lễ của họ khi Ngài phán, "Phải," "họ được nghỉ khỏi công khó của mình," vì Ngài đã ở đó trong suốt công khó của họ cho đến khi họ phó mạng sống mình.

Và tôi nghe một tiếng từ trời phán cùng tôi rằng: Hãy viết: Phước thay những người chết, là những người chết trong Chúa, từ nay về sau. Phải, Đức Thánh Linh phán, để họ được nghỉ ngơi khỏi công khó của họ; và các việc làm của họ theo sau họ. Khải Huyền 14:13.

Khi xem xét phân kết và phân đầu của sách Khải Huyền, phân mở đầu của Kinh Thánh và phân mở đầu của sách Tin Lành Giăng, chúng ta nhận thấy cả ba Ngôi vị của Đức Chúa Trời đều được bày tỏ, trong đó sự hiện diện của Chúa Cha được xác định dựa trên việc áp dụng nguyên tắc "dòng trên dòng". Chúa Con ở đó, tự xưng là Alpha và Omega.

Nếu chúng ta nhận ra rằng sự kết hợp giữa nhân tính với thần tính là sự kết hợp giữa Chúa Thánh Thần và nhân loại, thì chúng ta có thể hiểu vì sao các biểu tượng của Chúa Thánh Thần lại gắn liền với các biểu tượng của nhân loại. Với cách nhìn này, chúng ta trở lại với hai "lúc khởi đầu" mà chúng ta đã nhắc đến rất nhiều lần.

Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời và đất. Đất thì vô hình và trống không; bóng tối bao phủ mặt vực sâu. Thần của Đức Chúa Trời vận hành trên mặt nước. Đức Chúa Trời phán: Hãy có ánh sáng! Thì có ánh sáng. Đức Chúa Trời thấy ánh sáng là tốt; và Ngài tách ánh sáng khỏi bóng tối. Sáng thế ký 1:1-4.

Ban đầu đã có Ngôi Lời; Ngôi Lời ở với Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời. Ngôi Lời ấy ở với Đức Chúa Trời ngay từ ban đầu. Mọi sự đều do Ngài mà thành; ngoài Ngài thì chẳng có gì đã được tạo thành. Trong Ngài có sự sống; và sự sống ấy là ánh sáng của loài người. Ánh sáng chiếu soi trong nơi tối tăm, mà bóng tối chẳng hiểu thấu. Giảng 1:1-5.

Dựa vào hai nhân chứng về "thuở ban đầu": Thiên Chúa là Ngôi Lời, Đấng đã dựng nên muôn vật, cũng ban chính sự sống của Ngài, vì "trong Ngài có sự sống", và sự sống ấy là "ánh sáng" của loài người. "Ánh sáng" của con người được tạo dựng là sự công chính của Đấng Tạo Hóa. Sự công chính của Đấng Tạo Hóa là tìm nền trong các ngọn nến nơi đền thánh.

Và người ta ban cho nàng được mặc áo vải gai mịn, tinh sạch và trắng; vì vải gai mịn là sự công chính của các thánh đồ. Khải Huyền 19:18.

Dầu nuôi bắc đèn tượng trưng cho hoạt động của Đức Thánh Linh trong đời sống của người tin. Ban đầu, trái đất tối tăm và không có ánh sáng. Rồi Chúa Giê-xu đã ban sự sống của Ngài, tức là sự sống ở trong Ngài, để có ánh sáng cho loài người.

Và tất cả những người cư ngụ trên đất mà tên không được ghi trong Sách Sự Sống của Chiên Con, Đấng đã bị giết từ buổi sáng thế, đều sẽ thờ lạy nó. Khải Huyền 13:8.

Khi Chúa Giê-su chọn làm của lễ hy sinh cho nhân loại, Ngài đã hiến mạng sống mình để con người có ánh sáng. Như trường hợp trong hai đoạn này, mỗi khi ánh sáng xuất hiện, ánh sáng tạo ra hai hạng người thờ phượng, được biểu trưng bởi ánh sáng và bóng tối: con cái ban ngày hoặc con cái ban đêm.

Nhưng hồi anh em, anh em không ở trong tối tăm để ngày ấy bất ngờ ập đến trên anh em như kẻ trộm. Anh em hết thảy là con cái của sự sáng và con cái của ban ngày; chúng ta không thuộc về ban đêm, cũng không thuộc về sự tối tăm. 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:4,5.

Khi chúng ta nhận ra mối quan hệ gần gũi đời đời mà Đức Thánh Linh có với con cái của ban ngày, chúng ta có thể hiểu vì sao các biểu tượng của cả con cái của Đức Chúa Trời và của Đức Thánh Linh lại liên hệ mật thiết đến như vậy. Trong đoạn cuối của Khải Huyền, chúng ta thấy Chúa Giê-xu là Alpha và Ômêga, chúng ta thấy Đức Chúa Cha qua việc áp dụng dòng nọ dòng kia, và Đức Thánh Linh đang đưa ra sự trình bày biểu tượng cuối cùng về chính Ngài, vì các thánh nhân thuở xưa đã nói khi được Đức Thánh Linh cảm động. Lời tự bày tỏ đầu tiên về chính Ngài trong Sáng-thế Ký xác định Ngài đang vận động trên mặt nước, hay đang vận động trên loài người, và lời tham chiếu cuối cùng của Ngài về chính Ngài là như sau.

Thánh Linh và Tân Nương nói: Hãy đến. Ai nghe hãy nói: Hãy đến. Ai khát hãy đến. Hễ ai muốn, hãy nhận lấy nước sự sống cách nhưng không. Khải Huyền 22:17.

Từ đầu đến cuối, Đức Thánh Linh được nhận diện trong mối liên hệ với nhân loại, vì con cái ban ngày đại diện cho sự kết hợp giữa thiên tính và nhân tính. Phao-lô, cũng như Ê-sai, xác định rằng loài người là những bình chứa, và các chân đèn trong đền thánh có những chén để đặt bắc, và dầu chảy xuống các chén ấy để cung cấp nhiên liệu cần thiết hầu bày tỏ ánh sáng, tức là sự công bình của Đấng Christ. Chúng ta là những bình chứa của Đức Thánh Linh, Ngôi Ba của Đức Chúa Trời Ba Ngôi, như đã được xác định từ đầu đến cuối trong Lời của Đức Chúa Trời, và cũng được xác định rõ ràng trong các trước tác của Thần Linh của Lời Tiên Tri.

Trong sứ điệp của thiên sứ thứ hai, vốn đã được ứng nghiệm vào buổi đầu của Phong trào Cơ Đốc Phục Lâm và vào thời kỳ cuối cùng, có hai sứ điệp riêng biệt: một cho Hội Thánh và một cho thế gian.